Sao y; UBND xã Kỳ Hoa; 02/04/2026 11:0:0

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ KỲ HOA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/NQ-HĐND	*Kỳ Hoa, ngày 26 tháng 3 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển giao các Trạm Y tế cấp xã và toàn bộ chức năng, nhiệm vụ, nhân sự thuộc lĩnh vực y tế dự phòng, dân số từ các Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế về Ủy ban nhân dân cấp xã để thành lập Trạm Y tế cấp xã mới;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho UBND các xã, phường; Quyết định 506/QĐ-UBND ngày 01/03/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã nghị quyết phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2026 của UBND xã điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện các nhiệm vụ, chế độ, chính sách trên địa bàn xã; Báo cáo thẩm tra số 06 ngày 23/3/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách xã; và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung các phụ biểu số 01, 02, 15, 17, 34, 35, 37 Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã.

Các nội dung khác giữ nguyên tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh các nhiệm vụ, kế hoạch, Ủy ban nhân dân xã báo cáo với Hội đồng nhân dân xã để điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Kỳ Hoa khóa XIX, Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ban thường trực UBMTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa XVIII;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể cấp xã;
- VPĐU; VP.HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Thị Huyền

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND xã)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên khoản thu	Dự toán được giao theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã				Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)				Dự toán sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Trong đó:			Tổng cộng	Trong đó:			Tổng cộng	Trong đó:		
			NS TW	NS tỉnh	NS xã		NS TW	NS tỉnh	NS xã		NS TW	NS tỉnh	NS xã
TỔNG THU NSNN (A+B+C+D+E)		**176.458**	**1.046**	**19.013**	**156.400**	**4.116**	**0**	**0**	**4.116**	**180.574**	**1.046**	**19.013**	**160.516**
Tr.đó: thu NSNN đưa vào cân đối chi (NS xã)		*12.792*	*0*	*0*	*12.792*	*0*	*0*	*0*	*0*	*12.792*	*0*	*0*	*12.792*
A	**Tổng thu NSNN trên địa bàn**	**62.300**	**1.046**	**19.013**	**42.242**	**0**	**0**	**0**	**0**	**62.300**	**1.046**	**19.013**	**42.242**
B	**Thu bổ sung từ NS cấp trên**	**114.158**	**0**	**0**	**114.158**	**4.116**	**0**	**0**	**4.116**	**118.274**	**0**	**0**	**118.274**
	Trđó: - Bổ sung cân đối NS	88.300			88.300	-75			-75	88.225	0	0	88.225
	- Bổ sung có MT	25.858			25.858	4.191			4.191	30.049	0	0	30.049

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA

PHỤ LỤC 02:

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND xã)

ĐVT: nghìn đồng

TT	Nội dung chi	Tổng dự toán (theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã)	Dự toán sau điều chỉnh	Chi tiết điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Trong đó		Ghi chú (Nội dung chi tiết phân bổ)
					Quỹ lương, quỹ thưởng 2026, định mức hoạt động	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ	
	TỔNG CHI NSNN	**156.400.000**	**160.516.000**	**4.116.000**	**3.970.525**	**145.475**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**29.450.000**	**29.450.000**	**0**			
II	**Chi thường xuyên**	**124.611.000**	**128.727.000**	**4.116.000**	**3.970.525**	**145.475**	
	Trong đó, điều chỉnh các sự nghiệp, chi tiết:						
1	**Sự nghiệp kinh tế**	**9.948.000**	**9.873.000**	**-75.000**	**-75.000**	**0**	
-	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Kỳ Hoa	523.000	448.000	-75.000	-75.000		Điều chỉnh giảm quỹ lương 2 tháng cuối năm 2025
2	**Sự nghiệp y tế**	**2.545.000**	**6.736.000**	**4.191.000**	**4.045.525**	**145.475**	Điều chỉnh tăng quỹ lương, các chế độ, chính sách Trạm y tế
-	Trạm y tế xã- NS NN đảm bảo			4.145.525	4.045.525	100.000	
+	*Quỹ tiền lương, phụ cấp, quỹ thưởng, định mức hoạt động*			*4.045.525*	*4.045.525*		
+	*Dự kiến tăng lương,chi khác*			*100.000*		*100.000*	
-	Chế độ trực theo QĐ số 73/2011/QĐ-TTg			20.575		20.575	
-	Công tác dân số và phát triển theo Nghị quyết 221/2020			24.900		24.900	
III	**Dự phòng ngân sách**	**2.339.000**	**2.339.000**	**0**			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA

Biểu mẫu số 15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
1	2	3	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**160.516**	
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**42.242**	
1	Thu NSĐP hưởng 100%	2.080	
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	40.162	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**118.274**	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	88.225	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	30.049	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**		
IV	**Thu kết dư**		
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		
VI	**Tăng thu tiền đất, thường xuyên**		
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**160.516**	
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**160.516**	
1	Chi đầu tư phát triển	29.450	
2	Chi thường xuyên	128.727	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
5	Dự phòng ngân sách	2.339	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	**Chi các chương trình mục tiêu**		
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
IV	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA

Biểu mẫu số 17

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	2	3
	TỔNG CHI NSĐP	**160.516**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**160.516**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**29.450**	
1	Chi đầu tư cho các dự án	29.450	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực		
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*		
-	*Chi khoa học và công nghệ*		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	29.450	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	*29.450*	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		
3	Chi đầu tư phát triển khác		
II	**Chi thường xuyên**	**128.727**	
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	*52.345*	
2	Chi khoa học và công nghệ	*150*	
III	**Dự phòng ngân sách**	**2.339**	
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**		
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**		
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**		
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	-	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**		
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA

Biểu mẫu 34

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	**160.516**
A	**CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC**	**160.516**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**29.450**
1	Chi đầu tư cho các dự án	29.450
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	**Chi thường xuyên**	**128.727**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.633
2	Chi y tế, dân số và gia đình	6.736
3	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	535
4	Chi Sự nghiệp tài nguyên môi trường	1.000
5	Chi các hoạt động kinh tế	9.873
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.458
7	Chi bảo đảm xã hội	26.672
8	Chi sự nghiệp An ninh	370
9	Chi sự nghiệp Quốc phòng	1.559
10	Chi Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	150
11	Chi khác	741
III	**Dự phòng ngân sách**	**2.339**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA

Biểu mẫu 35

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND xã)

ĐVT: nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG=I+II	**113.297.429**	**0**	**113.297.429**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
I	**Kinh phí đã phân bổ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã**	**109.281.429**	**0**	**109.281.429**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Văn phòng HĐND- UBND xã	40.296.367		40.296.367						
2	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	523.000		523.000						
3	Văn phòng Đảng ủy	7.095.636		7.095.636						
4	Ủy ban mặt trận tổ quốc	4.150.817		4.150.817						
5	Trường Mầm non Kỳ Hoa	6.097.381		6.097.381						
6	Trường Mầm non Kỳ Tân	8.002.136		8.002.136						
7	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối tiểu học)	8.426.651		8.426.651						
8	Trường Tiểu học Kỳ Tân	13.424.822		13.424.822						
9	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối trung học)	6.379.581		6.379.581						
10	Trường THCS Kỳ Tân	12.956.038		12.956.038						
11	Ban chỉ huy quân sự xã	1.559.000		1.559.000						
12	Công an xã Kỳ Hoa	370.000		370.000						
II	**Kinh phí phân bổ đợt này**	**4.016.000**	**-**	**4.016.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-75.000		-75.000						
2	Trạm Y tế xã	4.091.000		4.091.000						

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA

Biểu mẫu 37

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 26/3/2026 của HĐND xã)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH	CHI QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO, TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
										CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG=I+II	**113.297.429**	**55.314.689**	**370.000**	**1.559.000**	**6.636.000**	**240.000**	**1.000.000**	**448.000**	**100.000**	**448.000**	**22.146.740**	**25.583.000**	**0**
I	**Kinh phí đã phân bổ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND xã**	**109.281.429**	**55.314.689**	**370.000**	**1.559.000**	**2.545.000**	**240.000**	**1.000.000**	**523.000**	**100.000**	**523.000**	**22.146.740**	**25.583.000**	**0**
1	Văn phòng HĐND- UBND xã	40.296.367	28.080			2.545.000	240.000	1.000.000		100.000		10.900.287	25.583.000	
2	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	523.000							523.000		523.000			
3	Văn phòng Đảng ủy	7.095.636										7.095.636		
4	Ủy ban mặt trận tổ quốc	4.150.817										4.150.817		
5	Trường Mầm non Kỳ Hoa	6.097.381	6.097.381											
6	Trường Mầm non Kỳ Tân	8.002.136	8.002.136											
7	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối tiểu học)	8.426.651	8.426.651											
8	Trường Tiểu học Kỳ Tân	13.424.822	13.424.822											
9	Trường TH&THCS Kỳ Hoa (Khối trung học)	6.379.581	6.379.581											
10	Trường THCS Kỳ Tân	12.956.038	12.956.038											
11	Ban chỉ huy quân sự xã	1.559.000			1.559.000									
12	Công an xã Kỳ Hoa	370.000		370.000										
II	**Kinh phí phân bổ đợt này**	**4.016.000**	**0**	**0**	**0**	**4.091.000**	**0**	**0**	**-75.000**	**0**	**-75.000**	**0**	**0**	**0**
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	-75.000							-75.000		-75.000			
2	Trạm Y tế xã	4.091.000				4.091.000								

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KỲ HOA